

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 29- 8-2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hạnh và bà Vũ Thị Thúy
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:* Bà Phạm Thị Giang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2019/TLST – DS ngày 27/5/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST- DS ngày 22/7/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐA

Địa chỉ trụ sở chính: phường 3, Q. PN, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng giám đốc (theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch HĐQT) và ông Phạm Thanh Ph – Giám đốc phòng giao dịch Thái Thụy, Thái Bình (theo Quyết định ủy quyền số 715/QĐ-DAB-PC ngày 13/6/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP ĐA) và bà Phạm Thị Phương Ng – Cán bộ Ngân hàng ĐA – PGD TT (theo Quyết định ủy quyền ngày 10/6/2019 của Giám đốc PGD TT) – Có mặt

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1977 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn BD, xã T1, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phạm Đức Q, sinh năm 1967 – *Vắng mặt*

Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1977 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn BD, xã T1, huyện TT, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các đơn gửi Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/01/2018, Ngân hàng TMCP ĐA (sau đây gọi tắt là Ngân hàng ĐA) và bà Nguyễn Thị S ký kết hợp đồng tín dụng vay trả góp số 00912474-0149952701T18002, với nội dung: cho bà Sáu vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên; mục đích vay: để bổ sung vốn kinh doanh nuôi cá; Lãi suất vay: Tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 9,0%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp trong 12 kỳ bằng nhau (tối đa mỗi kỳ góp 1.820.000 đồng), cam kết trả nợ vào ngày 25 hàng tháng; người cam kết bảo lãnh cho khoản vay là chị Phạm Thị Q là con bà Sáu. Bà Nguyễn Thị S đã nhận đủ số tiền 20.000.000 qua tài khoản thẻ của bà Sáu mở tại Ngân hàng ĐA. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 2 đến tháng 5/2018, bà Sáu không trả nợ đúng hạn; từ tháng 6/2018 trở đi có nhiều tháng bà Sáu không thanh toán nợ như thỏa thuận. Ngân hàng ĐA đã thông báo về việc vi phạm hợp đồng, đơn đốc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà S không trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà S trả nợ tổng số là 4.796.903 đồng, trong đó nợ gốc 4.220.646 đồng; nợ lãi quá hạn: 576.257 đồng. Trường hợp bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người bảo lãnh là chị Phạm Thị Q phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bà S.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S, chị Phạm Thị Q biết về việc Ngân hàng ĐA khởi kiện nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến, chứng cứ liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn.

Do không hòa giải được vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 335, 342, 463; 466; 468 Bộ luật dân sự buộc bà Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng ĐA toàn bộ nợ gốc và nợ lãi, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.796.903, trong đó nợ gốc 4.220.646 đồng, nợ lãi quá hạn là 576.257 đồng; Trường hợp bà Sáu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì buộc chị Phạm Thị Q là người bảo lãnh có trách nhiệm trả nợ thay. Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Các bên tham gia hợp đồng tín dụng có đủ năng lực hành vi dân sự; tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội vì vậy hợp đồng tín dụng vay trả góp số 00912474-0149952701T18002 giữa Ngân hàng TMCP ĐA và bà Nguyễn Thị S là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Về số tiền nợ : Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ xác định, tính đến ngày 29/8/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc là 4.796.903 đồng, trong đó nợ gốc 4.220.646 đồng; nợ lãi quá hạn: 576.257 đồng. Bị đơn đã được thông báo về việc vi phạm hợp đồng, đơn đốc trả nợ và biết rõ việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bỏ mặc không trả nợ cho nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các Điều 463 Bộ luật dân sự, phù hợp với thỏa thuận của các bên theo Hợp đồng tín dụng cũng như quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3]. Về việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn cung cấp đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn lập ngày 31/1/2018 của bị đơn, trong đó có cam kết của người bảo lãnh là chị Nguyễn Thị Q –là con gái của bị đơn bảo lãnh cho khoản vay của bị đơn tại Ngân hàng. Đề nghị này của bị đơn và người bảo lãnh đã được nguyên đơn chấp nhận và đã cho bị đơn vay tiền, thỏa thuận này phù hợp với Điều 335 Bộ luật dân sự. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì người bảo lãnh là Phạm Thị Q phải có thực hiện nghĩa vụ thay cho bị đơn. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với Điều 342 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Qua xác minh tại UBND xã T1, bà S có chồng là ông Phạm Đức Q. Tuy nhiên trong hồ sơ vay vốn, bà Sáu là người đứng tên ký hợp đồng vay vốn và trực tiếp nhận tiền, con gái Phạm Thị Q là người bảo lãnh. Bà Sáu bỏ mặc không chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, không có ý kiến gì về nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm trả nợ chung của ông Q theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình trong vụ án này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 335, 342, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐA:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền gốc là 4.796.903 đồng, trong đó nợ gốc 4.220.646 đồng; nợ lãi quá hạn: 576.257 đồng theo hợp đồng tín dụng số số 00912474-0149952701T18002 ngày 31/1/2018– tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2019.

- Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Sáu còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, người bảo lãnh là con gái Phạm Thị Q có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐA 350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001810 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy

3. Quyền kháng cáo:

Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- TAND tỉnh Thái Bình
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

